

## QUAN HỆ DÂN TỘC XUYÊN BIÊN GIỚI CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG Ở XÃ BẢO LÂM, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN HIỆN NAY

ThS. Lê Thị Hương

Viện Dân tộc học

Email: lehuongvdth@gmail.com

**Tóm tắt:** Sinh sống nhiều đời ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, người Tày và người Nùng ở xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã hình thành các mối quan hệ xuyên biên giới từ lâu. Từ khi tái thông thương biên giới Việt Nam - Trung Quốc năm 1991, các quan hệ xuyên biên giới của người Tày và người Nùng nơi đây càng có nhiều cơ hội mở rộng và phát triển. Bài viết phân tích các mối quan hệ xuyên biên giới của hai tộc người này, trong đó tập trung chủ yếu vào các khía cạnh chính là hoạt động kinh tế và quan hệ hôn nhân, nêu lên một số vấn đề đặt ra và đề xuất những kiến nghị góp phần ổn định đời sống kinh tế, xã hội, quản lý các mối quan hệ tộc người của người Tày và người Nùng tại điểm nghiên cứu nói riêng và các tộc người cư trú ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung.

**Từ khóa:** Quan hệ tộc người, xuyên biên giới, người Tày, người Nùng, Lạng Sơn.

**Abstract:** Residing in the Vietnam-China border area for many generations, the Tay and Nung people of Bao Lam commune in Cao Loc district, Lang Son province, have cultivated enduring cross-border relationships. Since the re-opening of trade at the Vietnam-China border in 1991, the cross-border relations of the Tay and Nung communities have encountered increased opportunities for expansion and development. This article delves into the cross-border relationships of these two ethnic groups, focusing primarily on economic activities and marital relations. It also highlights several issues and presents recommendations aimed at stabilising the economic and social facets of life, while effectively managing the ethnic relations of the Tay and Nung people within the specified study site, as well as among the various ethnic groups residing in the Vietnam-China border area.

**Keywords:** Ethnic relations, cross-border, Tay, Nung, Lang Son.

Ngày nhận bài: 19/5/2023; ngày gửi phản biện: 3/7/2023; ngày duyệt đăng: 20/8/2023.

### Mở đầu

Các mối quan hệ tộc người, trong đó có quan hệ tộc người xuyên biên giới đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong sự ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh chính trị và

quốc phòng vùng biên giới (Đậu Tuấn Nam chủ nhiệm, 2017). Giống như nhiều tộc người sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, hai tộc người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có những mối quan hệ xuyên biên giới từ trong lịch sử với người Choang ở thành phố cấp huyện Bằng Tường thuộc thành phố cấp địa khu Sùng Tả của khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Các mối quan hệ xuyên biên giới của hai tộc người này tùy theo từng thời kỳ lịch sử mà có lúc mạnh, lúc yếu. Nếu như ở thời kỳ chiến tranh biên giới Việt - Trung năm 1979 và một thập kỷ xung đột biên giới sau đó, mối quan hệ này bị gián đoạn, thì kể từ sau khi Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ năm 1991 đến nay, các quan hệ lại được khôi phục và tăng cường hơn.

Trên cơ sở nguồn tư liệu nghiên cứu thực địa được thực hiện vào tháng 3 năm 2023 và tổng hợp một số tài liệu thứ cấp, bài viết tập trung phân tích những mối quan hệ tộc người xuyên biên giới của hai tộc người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm từ khi hai quốc gia Việt Nam, Trung Quốc tái mở cửa biên giới năm 1991. Thực tế cho thấy, quan hệ tộc người xuyên biên giới rất phong phú và đa cấp độ, thể hiện trên nhiều khía cạnh kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, an ninh... song bài viết này tập trung vào hai lĩnh vực nổi bật nhất trong các mối quan hệ xuyên biên giới là kinh tế và hôn nhân; đồng thời nêu lên một số vấn đề đặt ra và đề xuất những kiến nghị góp phần ổn định đời sống kinh tế, xã hội của cư dân địa phương và quản lý tốt hơn các mối quan hệ tộc người của người Tày, Nùng tại điểm nghiên cứu nói riêng và các tộc người cư trú ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung.

### 1. Khái quát về địa bàn và tộc người nghiên cứu

Bảo Lâm là xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Xã có đường biên giới dài 15,120km, phía bắc giáp thành phố Bằng Tường, Trung Quốc; phía nam giáp xã Thụy Hùng (huyện Văn Lãng); phía đông giáp hai xã Thạch Đạn và Thanh Lòa (huyện Cao Lộc); phía tây giáp thị trấn Đồng Đăng (huyện Cao Lộc). Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 4.058,63ha, trong đó đất nông nghiệp: 433,19ha, đất lâm nghiệp: 3.415,92ha, đất nuôi trồng thủy sản: 42,63ha. Xã hiện có 7 thôn/bản: Nà Pàn, Kéo Có, Cốc Toòng, Còn Kéo, Còn Háng, Pò Nhùng và Nà Ân. Cư dân chủ yếu là người Tày và Nùng; năm 2023, toàn xã có 750 hộ và 3.357 khẩu, trong đó: dân tộc Tày: 1.185 khẩu, chiếm 35,30%; dân tộc Nùng: 2.143 khẩu, chiếm 63,83%; còn lại các dân tộc khác như Kinh, Dao, Sán Chay, Thái (Ủy ban nhân dân xã Bảo Lâm, 2022). Xã Bảo Lâm có nhiều đường mòn, lối mở suốt tuyến biên giới và người dân thường sử dụng để qua lại xuyên biên giới. Tại mốc giới 23 trên địa bàn thôn Pò Nhùng, năm 2014 có một đường tiểu ngạch được xây dựng, gọi là cửa khẩu phụ Pò Nhùng, để xuất nhập khẩu hàng hóa. Đường tiểu ngạch này đã bị phía Trung Quốc dừng nhập khẩu hàng hóa, đóng biên từ năm 2020 để phục vụ phòng chống dịch COVID-19. Các đường mòn, lối mở, đường tiểu ngạch này là những điều kiện thuận lợi để người dân xã Bảo Lâm phát triển các mối quan hệ xuyên biên giới của mình.

Người Tày và người Nùng cư trú lâu đời trên địa bàn xã Bảo Lâm. Do sinh sống ở thung lũng, bao quanh là đồi núi nên hoạt động kinh tế chính của đồng bào trước năm 1991 là

sản xuất nông nghiệp trên các thửa ruộng bậc thang kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm. Thời gian này, cuộc sống của người dân chủ yếu tự cung tự cấp, ít trao đổi hàng hóa với các tộc người bên kia biên giới. Ngoài các sản phẩm trồng trọt, người dân còn dựa vào rừng để săn bắt, hái lượm các nguồn lợi tự nhiên cho cuộc sống thường nhật. Nguồn thu mang lại hiệu quả kinh tế chính cho người dân là khai thác các loại cây như bạch đàn, hồi, quế, sô. Gần đây, canh tác nông nghiệp có xu hướng thu hẹp do một phần ruộng ở thung lũng, gần khe suối bị thụt lầy, sạt lở. Hoạt động chăn nuôi cũng bị suy giảm do nhu cầu sức kéo gần như không còn nữa, người dân đã áp dụng các máy nông cụ vào sản xuất nông nghiệp. Chăn nuôi gia cầm trong các hộ gia đình chỉ phát triển ở quy mô nhỏ để cải thiện đời sống và phục vụ các ngày lễ, tết trong năm. Trước năm 1991, đối tượng kết hôn của người Tày, Nùng chủ yếu là người đồng tộc trong cùng địa bàn cư trú, ngoại hôn tộc người chiếm số ít. Thời kỳ đó, các trường hợp hôn nhân xuyên biên giới (phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc) nếu có cũng chỉ là cá biệt. Từ 1991 đến nay, hôn nhân ngoại tộc người và xuyên biên giới diễn ra ngày càng phổ biến hơn.

## **2. Quan hệ kinh tế xuyên biên giới của người Tày, Nùng xã Bảo Lâm**

### **2.1. Trao đổi, mua bán giống cây trồng, vật nuôi**

Trước năm 1991, người Nùng và người Tày ở xã Bảo Lâm chỉ trồng các giống rau có xuất xứ trong nước. Khi quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc được bình thường hóa, biên giới mở cửa trở lại, người Tày và người Nùng ở đây thường đi qua biên giới để mua các loại giống rau, đặc biệt các loại rau cải của Trung Quốc về trồng. Theo người dân, các giống cây rau của Trung Quốc, nhất là rau cải phát triển nhanh, chịu sâu bệnh tốt, vị đậm, ngọt. Từ đó, việc trao đổi, mua bán giống cây trồng, vật nuôi ngày càng phát triển, là hoạt động sinh kế xuyên biên giới mang tính phổ biến ở các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung và người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm nói riêng. Các giống cây trồng được trao đổi, mua bán trong khu vực biên giới này chủ yếu là các giống rau, gia vị và giống cây lâm nghiệp. Bên cạnh đó, các giống lợn và gia cầm cũng được trao đổi, mua bán. Từ năm 2018 đến nay, nhiều hộ người Tày và người Nùng ở xã Bảo Lâm đã nhập giống cây bạch đàn Trung Quốc về trồng trên các đồi, núi xung quanh khu vực cư trú. Hoạt động này ban đầu do một số lao động đi làm thuê trồng và chăm sóc bạch đàn tại các trang trại của Trung Quốc du nhập về. Theo người dân, giống bạch đàn Việt Nam khó chăm sóc, vì hai năm đầu phải bón phân, nhưng sau 5 năm chỉ cao 4m và chưa thể cho thu hoạch; trong khi bạch đàn Trung Quốc cũng trồng 5 năm nhưng phát triển nhanh hơn và cao khoảng 6m.

Đặc biệt, giai đoạn năm 2010 - 2019, một số công ty ở Trung Quốc đã đưa giống ớt sang Việt Nam thuê người Tày, Nùng xã Bảo Lâm và nhiều xã trong huyện Cao Lộc gieo trồng trên đất của người dân địa phương. Người Trung Quốc hướng dẫn các hộ dân về kỹ thuật trồng, chăm sóc để cây ớt cho năng suất với chất lượng cao. Khi ớt đến mùa thu hoạch, nhân viên của các công ty Trung Quốc sang tận nơi thu mua theo giá thỏa thuận. Hoạt động

này không chỉ giúp người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng mà còn đem lại thu nhập cao hơn so với các cây trồng truyền thống, nên đã thu hút được nhiều hộ gia đình tham gia. Diện tích trồng ớt thuê trong xã lúc cao điểm lên gần 5ha, giá ớt quả lúc cao nhất lên đến 70.000 - 80.000 VNĐ/kg. Từ năm 2019, các hoạt động thuê đất trồng ớt của một số công ty Trung Quốc đã suy giảm, diện tích đất được thuê trồng ớt dần thu hẹp, đến năm 2020 chỉ còn 3ha và giá ớt cũng giảm mạnh do dịch COVID-19 bùng phát phải đóng cửa biên giới nên không thể tiêu thụ được (từ 40.000 VNĐ/kg xuống còn 5.000 - 6.000 VNĐ/kg). Hoạt động trồng ớt thuê hiện nay đã không còn được thực hiện ở người Tày, Nùng xã Bảo Lâm, nhưng vẫn còn tồn tại thưa thớt ở các xã lân cận thuộc huyện Cao Lộc.

Các giống lợn và gia cầm truyền thống của người Tày, Nùng xã Bảo Lâm ít còn được người Tày, Nùng nơi đây chú trọng chăn nuôi kể từ sau năm 1991. Khi biên giới mở cửa trở lại, đồng bào chủ yếu nuôi các con giống của Trung Quốc, vì giá con giống rẻ hơn, có khả năng chống chịu dịch bệnh và cho năng suất thịt cao hơn. Lợn giống được bán sang Việt Nam đều được chính quyền địa phương Trung Quốc kiểm tra và đeo khuyên tai kiểm định dấu hiệu đạt tiêu chuẩn. Giá lợn giống cũng tùy thời điểm, như năm 2019 - 2020 mỗi con có giá khoảng 1,5 triệu - 2 triệu VNĐ, tùy theo con to hay nhỏ. Từ khi Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới, việc mua bán giống gia súc trở nên khó khăn, người dân buộc phải chuyển sang nuôi giống lợn siêu nạc trong nước. Việc mua, nuôi con giống của Trung Quốc cũng thấy ở người Hmông xã Quang Hán và người Nùng xã Cô Mười, huyện Trà Lĩnh nay sáp nhập vào xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (Lý Hành Sơn, 2014, tr. 27; Nguyễn Thị Tám, 2022).

## ***2.2. Làm thuê xuyên biên giới***

Quan hệ kinh tế xuyên biên giới của người Tày, Nùng xã Bảo Lâm còn thể hiện qua việc di cư lao động làm thuê xuyên biên giới. Qua khảo sát, người dân nơi đây đi làm thuê dưới hình thức hợp pháp và bất hợp pháp, trong đó bất hợp pháp diễn ra phổ biến hơn. Đồng bào nơi đây có thể đi làm thuê dài ngày ở các địa điểm xa nằm trong nội địa Trung Quốc, hoặc bốc vác thuê trong ngày tại nơi gần đường biên, cách không xa nơi ở của mình. Tại xã Bảo Lâm, người dân thường đi làm thuê dài ngày tại thành phố Bằng Tường và Nam Ninh của Trung Quốc, diễn ra từ năm 2000 đến 2016. Thời gian làm thuê trong nội địa Trung Quốc thường kéo dài từ một, hai tuần đến vài ba tháng, thường là đi bất hợp pháp qua các đường mòn, lối mở tự phát, không thông báo với chính quyền địa phương. Các trường hợp đi làm thuê này chủ yếu thông qua giới thiệu của bạn bè, người thân ở Trung Quốc và Việt Nam đã và đang có quan hệ làm ăn, hôn nhân ở Trung Quốc. Những người này khi tìm được công việc và có mối quan hệ thân quen ở Trung Quốc thì gọi điện về quê cho họ hàng, bạn bè sang làm. Trường hợp không gọi điện được hoặc không có người nhắn, họ về tận quê để dẫn sang. Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, những người có quan hệ thân tộc luôn tìm cách giúp đỡ nhau. Theo người dân, trước dịch COVID-19, làm thuê ở phía Việt Nam là các công

việc nông nghiệp, chỉ kiếm được 80.000 VNĐ/ngày. Trong khi, làm thuê ở Trung Quốc cho thu nhập cao gấp ba lần làm, nên người dân đều muốn sang đó tìm việc làm để cải thiện cuộc sống gia đình. Họ thường đi vào mùa nông nhàn, đối tượng đi làm là các cặp vợ chồng trẻ. Công việc của họ ở Bằng Tường hay Nam Ninh của Trung Quốc là khai thác bạch đàn và gỗ tạp, trồng mía, chặt mía, xây dựng, lặn sơn,...

Tiền công kiếm được một ngày của mỗi người không giống nhau, người làm việc nặng có tiền công cao hơn người làm việc nhẹ. Chẳng hạn, vào những năm 2000, công việc khai thác gỗ ở Trung Quốc được nhiều người Tày, Nùng nơi đây tham gia. Do là công việc nặng nhọc nên chỉ những người khỏe mạnh mới có thể làm được và phải làm theo nhóm, gồm những người thân quen. Tổng số tiền công khai thác cho mỗi xe gỗ chia đều cho các thành viên tham gia, thông thường chủ Trung Quốc trả cho 1m<sup>3</sup> gỗ là 60 Nhân dân tệ (NDT), trung bình mỗi người đi khai thác gỗ kiếm được 100 - 120 NDT/ngày (tương đương 145 - 175.000 VNĐ). Riêng công việc xây dựng thuê thì xuất hiện từ năm 2008, với tiền công 80 NDT/người/ngày (tương đương 160.000 VNĐ). Công việc trồng mía, chặt mía thuê xuất hiện muộn hơn, từ năm 2010 trở lại đây, với tiền công 80 NDT/người/ngày (tương đương 210.000 VNĐ/năm 2010).

Theo một số người Tày, Nùng ở Bảo Lâm, từ năm 2000 trở về trước, trong xã có ít người sang Trung Quốc làm thuê, do chưa có kinh nghiệm nên tiền công được trả cũng thấp, khoảng 80 NDT/ngày, tức 160.000 VNĐ. Cuối thập niên 2000, số lượng người sang Trung Quốc lao động ngày một đông hơn do họ đã tạo dựng được các mối quan hệ làm ăn để giới thiệu cho nhau, trong khi tiền công cũng tăng lên 100 NDT/người/ngày (tương đương với 200.000 - 220.000 VNĐ). Từ năm 2010 đến nay, tiền công lao động được trả theo quan hệ. Cùng làm công việc như nhau, nhưng nếu người lạ, chủ Trung Quốc chỉ trả 120 NDT/ngày công, còn người quen được trả 150 NDT/ngày (tương đương với 320.000 - 390.000 VNĐ). Thời gian đi làm thuê chặt mía hay xây dựng từ nửa tháng đến một - hai tháng. Mỗi lần trở về, người đi làm thuê trong thời gian ba tháng có thể tích góp được khoảng 3.000 NDT (tương đương 9 triệu VNĐ), còn thời gian ngắn hơn cũng kiếm được 4 - 5 triệu VNĐ. Người di cư sử dụng tiền kiếm được để trang trải chi tiêu gia đình và mua phân bón, đầu tư cho sản xuất nông nghiệp.

Như đã đề cập, mỗi nhóm người Tày, Nùng qua Trung Quốc kiếm việc làm đều nhờ vào sự giới thiệu của họ hàng, bạn bè ở bên kia biên giới. Theo đó, mỗi lao động, chủ Trung Quốc phải bớt lại 10 - 20 NDT tùy vào thời điểm để trả tiền môi giới cho cai thầu. Nhìn chung, việc đi làm thuê dài ngày bất hợp pháp cũng dễ gặp rủi ro. Qua phỏng vấn người dân được biết, đã có một vài trường hợp làm thuê bị chủ Trung Quốc quỵt tiền, trả tiền thiếu so với thỏa thuận, ốm đau không được chăm sóc hoặc bị cướp dọc đường. Như vậy, di cư làm thuê xuyên biên giới bất hợp pháp luôn tiềm ẩn những nguy cơ mà người dân không thể lường trước được. Điều này cũng là cảnh báo cho những người muốn sang Trung Quốc làm thuê “chui”, cũng hàm nghĩa khuyến cáo trước khi làm việc phải tìm hiểu kỹ về người chủ thuê lao động, có thỏa thuận kín kẽ trên giấy tờ để tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra.

Tại xã Bảo Lâm, giai đoạn năm 2000 - 2015, lao động bốc vác hàng thuê từ trên xe xuống ban ngày và gánh hàng xuyên biên giới ban đêm cho chủ hàng Việt Nam và Trung Quốc diễn ra tấp nập tại cột mốc số 1140 (trước đây là cột mốc số 23) thuộc cửa khẩu phụ Pò Nhùng. Bốc vác hàng thuê trên xe xuống là công việc hàng ngày, tất cả các hộ dân đều tham gia, đem lại thu nhập đáng kể cho các hộ Tày, Nùng trong xã. Do số lao động rất đông nên đồng bào đưa ra quy ước chung để bảo đảm công bằng và đoàn kết. Theo đó, người bốc vác ở các thôn/bản chia thành hai đội, mỗi đội có một người đại diện gọi là tổ trưởng. Khi có việc làm, các chủ hàng Trung Quốc hay Việt Nam đều tìm hai tổ trưởng này để thỏa thuận công việc bốc vác hàng hóa. Hai tổ trưởng sau khi nhận việc thì phân công cho các thành viên trong đội. Quy định là mỗi đội luân phiên nhau làm một ngày, trong khi mỗi đội lại chia thành các tổ, các tổ chia nhau lần lượt bốc các xe hàng trong ngày. Nếu trong ngày, số xe hàng không đáp ứng đủ cho các tổ thì hôm sau tổ chưa đến lượt sẽ được ưu tiên bốc đầu tiên. Quy ước đó được người dân thực hiện nghiêm chỉnh nên giữa các đội, tổ không có mâu thuẫn hay mất đoàn kết xảy ra. Hàng hóa bốc vác ở các xe không giống nhau, có xe to, xe nhỏ, trong đó xe to khoảng 8 tấn, tương đương 450 - 500 bao. Mặt hàng của mỗi xe cũng khác nhau, có hàng nhẹ như chè, có hàng tái xuất hay đông lạnh như hoa quả, các loại thịt bò, trâu, lòng lợn, chân gà,... Xe nào bốc ở gần thì được trả công 1,5 triệu VNĐ/xe, bốc ở xa được trả 2,5 triệu VNĐ/xe. Mỗi xe hàng bốc xong, tiền công sẽ do tổ trưởng giữ, sau 10 - 15 ngày thì chia cho các thành viên tham gia theo ngày công. Số tiền kiếm được từ công việc này không quá nhiều nhưng hơn hẳn so với làm nông nghiệp.

Nếu như bốc vác hàng thuê diễn ra ban ngày thì gánh hàng thuê qua biên giới sang Trung Quốc lại diễn ra ban đêm. Hàng hóa được gánh thuê thường là hàng cấm, hàng lậu, những người tham gia phải trốn tránh công an, bộ đội biên phòng trong đêm tối nên công việc khá vất vả, nguy hiểm, bất trắc. Tiền công được trả cao hơn bốc vác hàng thuê ban ngày. Mỗi xe hàng ban đêm thông qua biên giới được trả 10 - 15 triệu VNĐ. Người khỏe mạnh có thể kiếm gần 1 triệu VNĐ mỗi đêm, người yếu hơn chỉ kiếm được 300 - 400.000 VNĐ/đêm. Từ năm 2017 đến 2019, hoạt động gánh hàng thuê qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc ở mốc 1140 đặc biệt rầm rộ. Hầu hết các hộ Tày, Nùng ở Bảo Lâm, kể cả gia đình cán bộ thôn đều tham gia gánh hàng thuê ban đêm xuyên biên giới. Mỗi hộ có ít nhất 2 người, nhiều là 4 người tham gia, thu nhập mỗi đêm 2 - 3 triệu VNĐ/hộ. Vì thế, trong thời gian này diễn ra tình trạng ruộng, vườn bị bỏ hoang nhiều, làm ruộng chỉ để đủ lương thực ăn, con cái không được chăm lo đầy đủ, học hành bỏ bê do bố mẹ mãi mê làm ăn,... Do gánh hàng thuê, nhiều gia đình có của ăn của để, mua sắm được nhiều trang thiết bị, xe ô tô 4 - 7 chỗ, xe tải chở hàng,... Song, từ đầu năm 2020, khi dịch COVID-19 bùng phát, biên giới đóng cửa, hoạt động sinh kế gánh hàng thuê không còn thực hiện được nữa, đời sống trở nên khó khăn, nhiều gia đình buộc phải bán xe ô tô vì không còn việc làm. Đến tháng 3/2023, xã Bảo Lâm chỉ còn 19 ô tô, trong đó 2 xe ben, 1 xe tải, còn lại là xe 4 - 7 chỗ ngồi.

### 3. Quan hệ hôn nhân xuyên biên giới

Hiện tượng kết hôn xuyên biên giới của các tộc người Tày, Nùng ở Bảo Lâm cũng như nhiều xã vùng biên vốn đã có từ lâu đời, nhưng từ năm 1991 đến nay trở nên phổ biến hơn. Theo nghiên cứu của Lê Thị Hường (2009), người Nùng đầu tiên ở xã Bảo Lâm sang Trung Quốc lấy chồng năm 1972; từ năm 1972 - 1984, có thêm 3 phụ nữ sang Trung Quốc lấy chồng; năm 1985 - 1986 có 16 người; năm 1997 - 1998, có 27 người; năm 1999 - 2008 có hơn 50 trường hợp. Qua báo cáo của chính quyền xã Bảo Lâm, trong 36 năm, từ năm 1972 đến năm 2004, số lượng phụ nữ nơi đây sang Trung Quốc lấy chồng là 102 người, nhiều nhất là năm 1985, 1997 và 1998. Các địa phương mà các cô gái Nùng đến lấy chồng nhiều nhất ở Trung Quốc là Bằng Tường, Quảng Đông, Long Châu, Hữu Nghị, Nam Ninh. Số liệu tháng 3/2023 cho thấy, năm 2004 - 2018 có thêm 16 người Nùng ở Bảo Lâm đi lấy chồng Trung Quốc, có người lấy chồng ở Thẩm Dương, Liêu Ninh, nhưng đa số lấy chồng ở Bằng Tường, Quảng Đông - nơi những người này có mối quan hệ bạn bè, thân tộc. Theo người dân địa phương, phụ nữ Nùng kết hôn với người Trung Quốc thường từ 24 tuổi trở lên, được coi là độ tuổi khó lấy chồng. Có nhiều lý do phụ nữ lấy chồng bên kia biên giới, chủ yếu do quen biết, thăm thân, làm thuê, thậm chí bị lừa bán,... Thống kê của cán bộ tư pháp xã Bảo Lâm cho biết, tính đến đầu năm 2023, trên địa bàn xã có 4 phụ nữ bị người xấu lừa bán qua biên giới và có 3 người đã trở về khi bị lừa bán từ năm 2005 (UBND xã Bảo Lâm, 2022).

Các cuộc hôn nhân xuyên biên giới của phụ nữ Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm đa số không xuất phát từ tình yêu mà chỉ muốn có cuộc sống tốt hơn, bao gồm thoát khỏi cảnh khó lấy chồng và mong được đổi đời nhờ lấy chồng bên Trung Quốc (Lê Thị Hường, 2009, tr. 112-116). Kết quả phỏng vấn cán bộ xã cho biết, các cô gái ở đây dù lớn tuổi vẫn lấy được chồng người Trung Quốc, do nhiều nguyên nhân: (1) Chi phí lấy vợ người Việt Nam ít hơn so với lấy vợ Trung Quốc; (2) Trung Quốc có nhiều nam giới bỏ vợ, vợ chết hoặc gia đình nghèo, không hoặc khó lấy vợ ở địa phương; (3) Lấy vợ người Tày, Nùng ở Bảo Lâm vừa không quá xa về địa lý, không bất đồng ngôn ngữ và văn hóa nên dễ hòa hợp trong cuộc sống; (4) Hoàn cảnh gia đình phụ nữ ở Việt Nam còn khó khăn, đất canh tác ít và bạc màu, địa bàn cư trú là các thung lũng sâu..., nên việc lấy chồng xứ người là cơ hội để tìm cuộc sống khác tốt đẹp hơn. Mở cửa biên giới và kinh tế biên mậu chính là những yếu tố quyết định đến sự gia tăng hôn nhân giữa phụ nữ Tày, Nùng xã Bảo Lâm với nam giới ở bên kia biên giới. Ngược lại, phụ nữ Choang ở Trung Quốc sang lấy chồng Việt Nam lại rất ít, bởi theo thống kê của cán bộ tư pháp xã Bảo Lâm, đến năm 2008 chỉ có 8 trường hợp. Nhìn chung, theo tập quán của người Tày và người Nùng với tư tưởng phụ hệ đậm nét thì nam giới thường có tư tưởng lựa chọn lấy vợ ở trong nội địa Việt Nam thay vì lấy vợ bên kia biên giới.

Hôn nhân xuyên biên giới gia tăng làm cho mối quan hệ đồng tộc giữa người Tày, Nùng xã Bảo Lâm với người Choang bên Trung Quốc thay đổi theo hướng tăng cường và thắt chặt hơn. Những người phụ nữ Tày, Nùng ở Bảo Lâm sang lấy chồng bên Trung Quốc và những người nam giới Trung Quốc sang lấy vợ ở Bảo Lâm đã tạo nên quan hệ thân tộc giữa các tộc

người ở hai quốc gia. Phụ nữ lấy chồng bên Trung Quốc không chỉ chăm sóc gia đình chồng, mà còn đi lại chăm sóc gia đình mình bên Việt Nam. Ngược lại, những nam giới Trung Quốc lấy vợ Việt Nam cũng quan tâm thăm hỏi gia đình nhà vợ. Ngoài quan hệ vợ chồng, các quan hệ liên quan cũng được thiết lập như quan hệ thông gia, quan hệ họ hàng nội ngoại, quan hệ kinh tế,... Hàng năm, vào những dịp giỗ chạp, lễ hội, hay tang ma, cưới xin..., các cặp vợ chồng và các gia đình thông gia hai bên đường biên đều sang thăm hỏi lẫn nhau. Vì thế, mối quan hệ đồng tộc xuyên biên giới giữa người Tày, Nùng với người Choang ở Trung Quốc cũng được tăng cường. Mỗi khi làng/bản người Tày, Nùng xã Bảo Lâm có việc quan trọng, người Choang có quan hệ họ hàng, thông gia ở Trung Quốc đều đến tham gia và ngược lại.

#### **4. Quan hệ tộc người xuyên biên giới của người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và hàng rào biên giới được xây dựng**

Đại dịch COVID-19 bùng phát cuối năm 2019 và hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc được xây dựng sau đó dẫn đến thay đổi các quan hệ kinh tế, xã hội tộc người xuyên biên giới ở người Tày và người Nùng xã Bảo Lâm. Các hoạt động sinh kế xuyên biên giới như mua cây/con giống, thuê trồng và thu hoạch cây nông - lâm sản, bốc vác hàng, gánh hàng thuê qua biên giới suy giảm, đình trệ nhanh chóng. Đứng trước những khó khăn đó, vì cuộc sống mưu sinh, người dân hai nước vẫn tìm cách để đưa hàng hóa qua tường rào biên giới. Qua khảo sát, tại bức tường rào ở cửa khẩu phụ Pò Nhùng, sau năm 2021 vẫn có hiện tượng tuồn hàng hóa từ Trung Quốc sang Việt Nam qua các đường rãnh đào ở phía dưới tường rào hoặc qua một vài lỗ nhỏ do người dân cắt dây thép gai tạo nên. Do sự kiểm soát gắt gao của lực lượng biên phòng nên mật độ, lượng hàng hóa qua con đường này không nhiều, mỗi tháng chỉ 2 - 3 chuyến, gồm các hàng điện tử, một số vị thuốc, gia dụng, gia vị, thực phẩm,... Nếu hàng vận chuyển bị phát hiện, các chủ hàng tìm cách “làm luật” với cơ quan chức năng, điều này ảnh hưởng không tích cực đến an ninh biên giới, an ninh quốc gia - dân tộc.

Cùng với tình trạng đình trệ của hoạt động kinh tế, quan hệ hôn nhân xuyên biên giới cũng vì thế mà gặp khó khăn hơn. Số cuộc hôn nhân xuyên biên giới các năm 2021 - 2022 và đầu 2023 đã giảm đáng kể. Việc qua lại thăm hỏi, chia sẻ giữa các cặp vợ chồng, giữa các gia đình thông gia, giữa các cộng đồng cùng dân tộc ở hai bên đường biên giới cũng không còn thường xuyên và thuận lợi như trước. Các hoạt động sinh kế và quan hệ hôn nhân xuyên biên giới chủ yếu diễn ra thông qua các cửa khẩu quốc tế, với thủ tục bắt buộc là đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn xin giấy thông hành hoặc hộ chiếu. Vì thế, hiện nay hầu hết người dân hai bên đường biên giới chuyển sang làm ăn và hỏi thăm nhau thông qua mạng xã hội Wechat. Một số ít chủ buôn vẫn giữ được mối buôn hoa quả từ Trung Quốc, nhưng phải thông qua đường cửa khẩu phụ Pò Nhùng. Đối với quan hệ thân tộc, ở phía Trung Quốc nếu có sự quan tâm, động viên, giúp đỡ về tiền bạc đều gửi qua tài khoản ngân hàng hoặc tài khoản Wechat. Trong hoàn cảnh đặc biệt, nếu cần thiết về thăm thân họ chỉ có thể đi hợp pháp qua cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị. Trong điều kiện mới hiện nay, cửa khẩu quốc tế

Hữu Nghị tuy đã mở, chính quyền hai nước Việt Nam, Trung Quốc đã cho phép người dân hai bên biên giới qua lại. Song, dịch bệnh COVID-19 vẫn có nguy cơ bùng phát trở lại, khiến người dân ít qua lại hai bên biên giới.

## **5. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị giải pháp**

### **5.1. Một số vấn đề đặt ra**

- *Một là*, vấn đề tăng cường quản lý và giải quyết có hiệu quả hơn đối với xu hướng gia tăng các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc của các tộc người ở xã Bảo Lâm cũng như các địa phương biên giới này trước bối cảnh tác động ngày càng sâu rộng từ toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay và thời gian tới.

- *Hai là*, vấn đề thiết lập kỷ cương pháp luật của Nhà nước Việt Nam đối với xu hướng gia tăng các cuộc hôn nhân xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc của hai tộc người Tày, Nùng và các tộc người khác sinh sống ở nơi biên cương, nhằm đảm bảo an ninh chính trị và bảo vệ vững chắc đường biên giới quốc gia.

- *Ba là*, vấn đề tiếp tục giải quyết có hiệu quả hơn tình trạng hôn nhân không qua đăng ký kết hôn hợp pháp với chính quyền địa phương, hôn nhân không theo quy định của pháp luật với người nước ngoài tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

- *Bốn là*, vấn đề nâng cao ý thức quốc gia - dân tộc của người dân các tộc người sinh sống làm ăn ở vùng biên giới, bao gồm hai tộc người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm đối với các quy định pháp luật về bảo vệ biên giới, đảm bảo an ninh chính trị và thế trận lòng dân, giữ vững an ninh quốc phòng tại các địa phương biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

### **5.2. Kiến nghị giải pháp**

- *Thứ nhất*, Đảng và Nhà nước ta cần hoàn thiện chính sách đặc thù nhằm phát triển kinh tế - xã hội dành riêng cho người dân vùng biên giới, bảo đảm để các tộc người có điều kiện phát huy tiềm năng, lợi thế tài nguyên tại chỗ, xây dựng đời sống kinh tế bền vững, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh trên chính quê hương mình.

- *Thứ hai*, đẩy mạnh nhiều hình thức, cường độ, hiệu quả tuyên truyền vận động để người dân nắm vững và thực hiện tốt Luật Hôn nhân và Gia đình của Nhà nước Việt Nam, từng bước khắc phục tình trạng hôn nhân xuyên biên giới bất hợp pháp như hiện nay.

- *Thứ ba*, các ngành chức năng cần xây dựng và thực hiện các quy định mang tính chế tài nhằm xử lý, hạn chế từng bước tình trạng hôn nhân xuyên biên giới bất hợp pháp, không đúng pháp luật đã và đang diễn ra ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay.

- *Thứ tư*, tiếp tục củng cố và nâng cao ý thức quốc gia - dân tộc Việt Nam cho người dân các tộc người sinh sống ở nơi biên cương. Trên cơ sở đó, tăng cường thời lượng và linh hoạt các biện pháp tuyên truyền để người dân hiểu rõ luật pháp của Nhà nước Việt Nam và tự

giác không tham gia vào các hoạt động sinh kế làm thuê, gánh thuê hàng hóa bất hợp pháp qua đường biên giới.

### **Kết luận**

Từ khi đất nước thực hiện công cuộc Đổi mới năm 1986, nhất là từ sau ngày tái mở cửa biên giới, quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc của người Tày, Nùng xã Bảo Lâm đã có những thay đổi, trong đó chuyển biến mạnh mẽ nhất là các hoạt động sinh kế và quan hệ xã hội. Đối với kinh tế, nổi bật là quan hệ xuyên biên giới trong trồng trọt, chăn nuôi, trao đổi buôn bán và làm thuê. Trong quan hệ xã hội, nổi bật là hôn nhân xuyên biên giới. Quan hệ tộc người xuyên biên giới tại địa bàn nghiên cứu đã góp phần tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, quan hệ gia đình, thông gia và quan hệ đồng tộc hai bên đường biên được thắt chặt hơn, đoàn kết hơn..., tạo thuận lợi cho việc kết nối và phát huy các mối quan hệ làm ăn kinh tế. Song, các quan hệ này cũng tạo ra những tác động không mong muốn đến sản xuất nông nghiệp địa phương, tiềm ẩn những rủi ro, nguy cơ rạn nứt tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình. Hôn nhân không tuân thủ đúng quy định pháp luật gây nên các khó khăn trong thực thi pháp lý, di cư lao động trái phép đem đến những ảnh hưởng tiêu cực cho an ninh chính trị và thế trận quốc phòng toàn dân ở vùng biên cương Tổ quốc. Chính vì vậy, để quản lý có hiệu quả hơn các mối quan hệ tộc người xuyên biên giới trong bối cảnh mới, chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương cần xem xét triển khai nhanh chóng, kịp thời các biện pháp nhằm ổn định đời sống kinh tế - xã hội, quản lý các mối quan hệ tộc người của người Tày và người Nùng tại điểm nghiên cứu cũng như các tộc người cư trú ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đạm Tuấn Nam (Chủ nhiệm, 2017), *Nghiên cứu mối quan hệ tộc người ở vùng biên giới với Trung Quốc góp phần ổn định xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Bắc*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KHCN-TB. 11X/13-18, Lưu tại Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
2. Lê Thị Hường (2009), *Hôn nhân của người Nùng Cháo ở xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa.
3. Lý Hành Sơn (2014), “Quan hệ dân tộc xuyên biên giới trong hoạt động kinh tế ở một số tộc người vùng miền núi phía Bắc”, *Tap chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 25-37.
4. Nguyễn Thị Tám (2022), “Sinh kế và thích ứng sinh kế của người Hmông ở thôn Pú Dô, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng”, *Tap chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 31-42.
5. Ủy ban nhân dân xã Bảo Lâm (2022), *Báo cáo Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023* (Trình kỳ họp thứ Năm, Hội đồng nhân dân xã khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026).